Chi tiết mã HS 8474.32.29

Mã HS	8474.32.29
Mô tả hàng hóa	Máy dùng để phân loại, sàng lọc, phân tách, rửa, nghiền, xay, trộn hoặc nhào đất, đá, quặng hoặc các khoáng vật khác, dạng rắn (kể cả dạng bột hoặc dạng nhão); máy dùng để đóng khối, tạo hình hoặc đúc khuôn các nhiên liệu khoáng rắn, bột gốm nhão, xi măng chưa đông cứng, thạch cao hoặc các sản phẩm khoáng khác ở dạng bột hoặc dạng nhão; máy để tạo khuôn đúc bằng cát / - Máy trộn hoặc nhào: / - - Máy trộn khoáng vật với bi-tum: / - - - Không hoạt động bằng điện: / - - - - Loại khác
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	07/11/2026 18:56:15
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/84743229/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K14390
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N14390
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q14390
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-KH)	0% (trừ KH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E13735
ATIGA	2022	2022	0	AT!E13676
ATIGA	2023	2023	0	AT!F13676
ATIGA	2024	2024	0	AT!G13676
ATIGA	2025	2025	0	AT!H13676
ATIGA	2026	2026	0	AT!I13676
ATIGA	2027	2027	0	AT!J13676
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E13730
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F13730
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G13730
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H13730

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I13730
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J13730
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E13731
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F13731
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G13731
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H13731
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I13731
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J13731
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F13734
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H13682
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F13690
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G13690
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H13690
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I13690
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J13690
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K13690
VKFTA	2022	2022	0	VK!E13721
VKFTA	2023	2023	0	VK!F13721
VKFTA	2024	2024	0	VK!G13721
VKFTA	2025	2025	0	VK!H13721
VKFTA	2026	2026	0	VK!I13721
VKFTA	2027	2027	0	VK!J13721
VCFTA	2022	2022	0	VC!D13770
VCFTA	2023	2023	0	VC!E13770
VCFTA	2024	2024	0	VC!F13770
VCFTA	2025	2025	0	VC!G13770

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H13770
VCFTA	2027	2027	0	VC!I13770
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D13753
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E13753
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F13753
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G13753
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H13753
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I13753
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D13753
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E13753
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F13753
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G13753
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H13753
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I13753
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D13768
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E13768
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F13768
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G13768
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H13768
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I13768
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D13767
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E13767
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F13767
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G13767
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H13767
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I13767

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D13747
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E13747
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F13747
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G13747
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H13747
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I13747
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J13747
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D13755
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E13755
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F13755
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G13755
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H13755
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I13755
RCEP B	2022	2022	0	B!D13755
RCEP B	2023	2023	0	B!E13755
RCEP B	2024	2024	0	B!F13755
RCEP B	2025	2025	0	B!G13755
RCEP B	2026	2026	0	B!H13755
RCEP B	2027	2027	0	B!I13755
RCEP C	2022	2022	0	C!D13755
RCEP C	2023	2023	0	C!E13755
RCEP C	2024	2024	0	C!F13755
RCEP C	2025	2025	0	C!G13755
RCEP C	2026	2026	0	C!H13755
RCEP C	2027	2027	0	C!I13755
RCEP D	2022	2022	0	D!D13754

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E13754
RCEP D	2024	2024	0	D!F13754
RCEP D	2025	2025	0	D!G13754
RCEP D	2026	2026	0	D!H13754
RCEP D	2027	2027	0	D!I13754
RCEP E	2022	2022	0	E!D13758
RCEP E	2023	2023	0	E!E13758
RCEP E	2024	2024	0	E!F13758
RCEP E	2025	2025	0	E!G13758
RCEP E	2026	2026	0	E!H13758
RCEP E	2027	2027	0	E!I13758
RCEP F	2022	2022	0	F!D13755
RCEP F	2023	2023	0	F!E13755
RCEP F	2024	2024	0	F!F13755
RCEP F	2025	2025	0	F!G13755
RCEP F	2026	2026	0	F!H13755
RCEP F	2027	2027	0	F!I13755
VIFTA	2024	2024	0	VI!F12769
VIFTA	2025	2025	0	VI!G12769
VIFTA	2026	2026	0	VI!H12769
VIFTA	2027	2027	0	VI!I12769

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8474.32 có 4 dòng thuế; dòng 8474.32.29 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	8474.32.11 Có công suất không quá 80 tấn/giờ; 8474.32.19 Loại khác; 8474.32.21 Có công suất không quá 80 tấn/giờ	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8474.32.29. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8474.32.29 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N14390), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.